

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2026.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mến và ông Nguyễn Tiến Phán.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trác Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 57/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân Đ, sinh ngày 11/11/1992; ĐKKHKT: Thôn C, xã B, thành phố Hải Phòng. Số CCCD: 030092002856;

- Bị đơn: Chị Phí Thị H, sinh ngày 30/6/1995; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng. Số CCCD: 030195015538;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Ông Nguyễn Trung Đ1
- Luật sư, Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B, ngõ F, M, phường Y, thành phố Hà Nội.

- Người làm chứng: Ông Phí Văn H1, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1963; đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã T, TP Hải Phòng.

(Tại phiên toà có mặt anh Đ1, chị H và ông Nguyễn Trung Đ1; vắng mặt ông H1, bà V).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai, nguyên đơn (anh Vũ Xuân Đ) trình bày: Anh và chị Phí Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày

09/05/2016 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không chung thủy, sau khi anh phát hiện đối chất thì chị H xin không nói với gia đình để suy nghĩ một tuần nhưng sau một tuần thì chị H cãi là không bắt được trai trên gái dưới. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay, anh và chị H đã nói chuyện với nhau để tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Anh xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Anh và chị H có 02 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2017 và Vũ Xuân Nhật M, sinh ngày 09/4/2024, hiện nay cả hai con đang ở với chị H. Anh có nguyện vọng sau ly hôn được trực tiếp chăm sóc con Nhật M; chị H trực tiếp chăm sóc con Quỳnh A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết. Hiện nay anh đang công tác tại Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H, làm việc hành chính thu nhập hàng tháng khoảng hơn 19.000.000 đồng. Anh đang ở chung cùng bố mẹ tại thôn C, xã B, TP Hải Phòng, về điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung được đảm bảo.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Bản sao các tài liệu gồm (đăng ký kết hôn giữa chị Phí Thị H và anh Vũ Xuân Đ; Căn cước công dân chị Phí Thị H và anh Vũ Xuân Đ; Giấy khai sinh Vũ Xuân Nhật M, Vũ Quỳnh A; Quyết định về việc bố trí cán bộ; Quyết định thăng cấp, nâng lương sĩ quan nghiệp vụ; Xác nhận lương tháng 5,6,7/2026).

Tại các lời khai, bị đơn (chị Phí Thị H) xác nhận về điều kiện kết hôn như anh Đ trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị sống vui vẻ hạnh phúc. Năm 2017, chị sinh con thứ nhất, để tiện việc ông bà ngoại phụ giúp chăm sóc con cháu nên anh chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Mặc dù không sống ở nhà chồng nhưng chị luôn làm tròn bổn phận con dâu. Năm 2021, khi anh Đ chuyển công tác về Công an huyện B, tỉnh Hải Dương thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ thường xuyên lấy lý do bận công việc không về nhà, không quan tâm vợ con, không chia sẻ việc chăm sóc nuôi dạy con. Chị góp ý để anh thay đổi nhưng anh vẫn vô tâm. Chị nhận thấy anh Đ có nhiều thay đổi, thường xuyên kêu mệt mỗi không gần gũi vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau và sống ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị đồng ý ly hôn anh Đ. Chị và anh Đ có 02 con chung như anh Đ trình bày, hiện nay các con đang ở với chị. Chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung sau ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con vì các con đang ổn định và học hành ở môi trường tốt, chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ, hằng ngày có ông bà phụ giúp chăm sóc các cháu. Hiện nay chị công tác tại trạm y tế xã T, có làm thêm nên thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng. Vợ chồng chị có tài sản chung gồm: 01 xe ô tô Vios mua năm 2022 giá 600.000.000đ, anh Đ đang quản lý, sử dụng xe; 01 xe máy Exciter chị đang quản lý, sử dụng, giá mua gần 60.000.000đ và ruộng đất chuyển đổi nhưng tất cả tài sản này chị không yêu cầu giải quyết.

Chúng cứ bị đơn giao nộp: Bản gốc Quyết định tiếp nhận, điều động viên chức; Giấy xác nhận làm việc + Phiếu thanh toán lương tháng 3,4,5 và Bảng lương CBCS-VC trạm y tế xã Trường Tân tháng 4, 5, 6.

Ông Phí Văn H1 và bà Bùi Thị V (bố đẻ mẹ đẻ chị H) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H sống hạnh phúc. Do vợ chồng chị H và các con sống cùng ông bà nên ông bà biết khoảng một năm rưỡi trở lại đây, anh Đ hầu như không còn quan tâm đến vợ con, bỏ mặc chị H. Nay anh Đ xin ly hôn, ông bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Cháu Vũ Quỳnh A (con anh Đ, chị H) trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 08/7/2026, anh Đ và chị H thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung anh chị thoả thuận: Sau khi ly hôn anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Xuân Nhật M; chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Quỳnh A đến khi trưởng thành hoặc khi anh Đ và chị H có thoả thuận hoặc yêu cầu khác. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Ngoài ra anh Đ và chị H còn thống nhất và đề nghị toà ghi nhận: thực tế anh Đ vẫn để chị H tiếp tục chăm sóc cả hai con để các con được gần nhau. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 4.000.000đ/tháng trong thời gian chị H chăm sóc cả hai con (mỗi con 2.000.000đ/tháng). Thời hạn cấp dưỡng từ sau khi ly hôn đến khi thực tế cháu Nhật M về ở với anh Đ. Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí: anh Đ tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Ngày 13/7/2026, chị H có đơn thay đổi ý kiến về quan hệ con chung; chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc cả 2 con chung.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trong phần tranh tụng tại phiên toà, anh Đ và chị H thống nhất được các nội dung về giải quyết con chung như sau và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể:

- Sau khi ly hôn, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Vũ Xuân Nhật M; chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Vũ Quỳnh A đến khi trưởng thành hoặc khi anh Đ và chị H có thoả thuận hoặc yêu cầu khác. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

- Thực tế anh Đ vẫn để chị H tiếp tục chăm sóc cả hai con để các con được gần nhau. Anh Đ tạo điều kiện cho chị H được trực tiếp chăm sóc cả hai con ít nhất trong thời gian 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau thời hạn trên, anh Đ có quyền đón con Vũ Xuân Nhật M về trực tiếp chăm sóc bất cứ lúc nào. Chị H cam kết không hạn chế quyền thăm gặp và đón con của anh Đ trong thời gian chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con.

- Trong thời gian chị H chăm sóc cả hai con, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ/tháng; cả hai con là 4.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ sau khi ly hôn đến khi thực tế cháu Nhật M về ở với anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị H.
- Ghi nhận các nội dung do anh Đ chị H đã tự thoả thuận về quan hệ con chung.
- Không phải giải quyết về quan hệ tài sản, nợ chung vì anh Đ chị H đều không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Anh Vũ Xuân Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng giải quyết ly hôn và con chung đối với chị Phí Thị H cư trú tại xã T, thành phố Hải Phòng; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

[2]. *Người tham gia tố tụng:* Những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Quan hệ hôn nhân:* Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã B, thành phố Hải Phòng) vào ngày 09/05/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn; anh Đ cho rằng chị H không chung thủy, chị H cho rằng anh Đ không quan tâm vợ con, không chia

sẽ việc chăm sóc nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Anh Đ và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn giữa anh Đ chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

[4]. *Quan hệ con chung*: Anh Đ và chị H có 02 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2017 và Vũ Xuân Nhật M, sinh ngày 09/4/2020 hiện nay đang ở với chị H. Tại phiên toà anh Đ chị H thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly, thời gian để chị H nuôi cả hai con tạo điều kiện cho hai con gần nhau, trách nhiệm cấp dưỡng của anh Đ trong thời gian chị H nuôi cả hai con. Xét thấy sự thoả thuận của anh Đ chị H về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian chị H nuôi hai con là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đảm bảo về quyền nuôi và chăm sóc con của anh Đ, chị H, HĐXX ghi nhận sự thoả thuận này.

Nghĩa vụ chậm tiền cấp dưỡng trong thời gian chị H nuôi hai con thực hiện theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Đ và chị H đều không yêu cầu giải quyết, HĐXX không phải giải quyết;

[6] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (anh Đ) được chấp nhận; anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân Đ;

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Xuân Đ và chị Phí Thị H.

2. Về quan hệ con chung, ghi nhận sự thoả thuận các vấn đề sau:

2.1. Sau khi ly hôn, anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Xuân Nhật M, sinh ngày 09/4/2020; chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2017, đến khi trưởng thành hoặc khi anh

Đ và chị H có thoả thuận, yêu cầu khác. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

2.2. Thực tế chị H vẫn tiếp tục chăm sóc cả hai con để các con được gần nhau; anh Đ tạo điều kiện cho chị H được trực tiếp chăm sóc cả hai con ít nhất trong thời gian 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; sau thời hạn trên, anh Đ có quyền đón con Vũ Xuân Nhật M về trực tiếp chăm sóc bất cứ lúc nào. Chị H cam kết không hạn chế quyền thăm gặp và đón con của anh Đ trong thời gian chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con.

Trong thời gian chị H chăm sóc cả hai con, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ/tháng; cả hai con là 4.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ sau khi ly hôn đến khi thực tế cháu Nhật M về ở với anh Đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người bị thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Đ, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Xuân Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng là 600.000đ; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà anh Đ đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0005542 ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Hải Phòng. Anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đ2 và chị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/8/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Dương sự;
- UBND xã Bình Giang ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu vụ án; Lưu toà.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm Phán - Chủ toà phiên tòa

Đoàn Thị Thúy

